

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Điều hành	2
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 38

PH
QU
T
TNG

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 66/GPĐC-UBCK cấp ngày 22 tháng 8 năm 2023 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 13 tháng 10 năm 2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ nhất) để đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp thành 0304756863 vào ngày 13 tháng 10 năm 2022.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHĐKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,20% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 02 năm 2015. Tại ngày 19 tháng 11 năm 2020, TVS mua thêm 10.000.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ, tăng tỉ lệ sở hữu tại Công ty lên 99,84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 07 tháng 4 năm 2020
Ông Ngô Nhật Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 8 năm 2023
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2024
Ông Phạm Hồng Hải	Thành viên	Từ nhiệm ngày 30 tháng 5 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Trần Vinh Quang, tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tới ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này là bà Nguyễn Thanh Thảo - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ông Trần Vinh Quang - Tổng Giám đốc được ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 theo Giấy Ủy quyền số 2020.02/UQ-HĐQT ngày 01 tháng 5 năm 2019.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành của Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đang áp dụng. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày 30 tháng 9 năm 2024 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 10 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 30 tháng 9 năm 2024

B 01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		315.169.572.701	5.663.065.093.984
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	3.664.991.499	163.938.037.595
111	1. Tiền		1.664.991.499	63.938.037.595
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	100.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	283.640.625.365	5.103.401.385.318
121	1. Đầu tư ngắn hạn		283.640.625.365	5.103.401.385.318
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		27.664.071.727	395.519.734.432
131	1. Phải thu khách hàng		5.164.930.610	44.194.666.421
132	2. Trả trước cho người bán		194.927.500	337.620.340
134	3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	6.1	19.832.280.474	13.707.806.101
135	4. Các khoản phải thu khác	6.2	2.471.933.143	337.279.641.570
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		199.884.110	205.936.639
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	64.315.486	136.448.630
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	135.568.624	69.488.009
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		363.942.045.994	1.913.456.178.485
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.005.037.467	-
218	1. Phải thu dài hạn khác		2.005.037.467	-
220	II. Tài sản cố định		889.228.805	2.121.495.240
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	66.562.138	1.177.811.907
222	- Nguyên giá		133.156.999	1.266.307.000
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(66.594.861)	(88.495.093)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	822.666.667	726.683.333
228	- Nguyên giá		959.000.000	739.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(136.333.333)	(12.316.667)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	217.000.000
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		360.761.067.136	1.909.218.077.700
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	10	95.527.191.136	-
258	2. Đầu tư dài hạn khác	11	265.233.876.000	1.909.218.077.700
260	IV. Tài sản dài hạn khác		286.712.586	2.116.605.545
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	255.207.983	400.491.529
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	-	1.546.805.619
268	3. Tài sản dài hạn khác	13	31.504.603	169.308.397
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		679.111.618.695	7.576.521.272.469

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 9 năm 2024

B 01a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		337.741.711.674	7.136.088.489.647
310	I. Nợ ngắn hạn		337.741.711.674	6.952.618.489.647
311	1. Vay ngắn hạn	14	-	8.000.000.000
312	2. Phải trả người bán	15	323.103.908.236	75.401.329.424
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.950.102.134	14.090.042.942
315	4. Phải trả người lao động		5.434.307.000	5.759.588.095
316	5. Chi phí phải trả	17	-	6.728.106.820
	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	5.625.000.000	6.830.661.693.777
323	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	19	628.394.304	5.671.167.193
328	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	6.306.561.396
330	II. Nợ dài hạn		-	183.470.000.000
333	1. Phải trả dài hạn khác	18	-	100.000.000.000
334	2. Vay và nợ dài hạn	14	-	83.470.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	20	341.369.907.021	440.432.782.822
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		125.000.000.000	125.000.000.000
418	2. Quỹ dự phòng tài chính		1.755.891.311	1.755.891.311
419	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.755.891.311	1.755.891.311
420	4. Lợi nhuận chưa phân phối		211.808.935.262	275.313.370.463
423	5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	21	1.049.189.137	36.607.629.737
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		679.111.618.695	7.576.521.272.469

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2024

B 01a-CTQ

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	CHỈ TIÊU		Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
006	Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		-	32.500.000.000
007	- Chứng khoán giao dịch		-	32.500.000.000
020	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ (theo mệnh giá)		-	4.051.040.000
030	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	30	333.071.118.883	69.243.503.425
031	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước		333.068.991.657	69.240.738.025
032	Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		2.127.226	2.765.400
040	Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác		9.843.360.250.687	2.347.665.024.866
041	Nhà đầu tư ủy thác trong nước	31	9.840.962.399.252	2.345.267.173.431
042	Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài		2.397.851.435	2.397.851.435
050	Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	32	310.315.169.515	87.791.179.157
051	Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	33	21.069.928.680	15.694.130.937



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 10 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

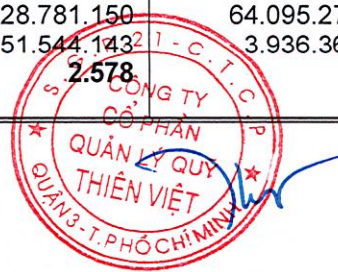
B 02a-CTQ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 VND	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 VND
01	1. Doanh thu		14.918.368.827	3.739.270.442	26.509.780.549	14.412.961.249
10	2. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	22	14.918.368.827	3.739.270.442	26.509.780.549	14.412.961.249
11	3. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	23	(3.783.695.359)	(2.820.015.115)	(16.206.798.826)	(8.391.678.576)
20	4. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		11.134.673.468	919.255.327	10.302.981.723	6.021.282.673
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	24	9.122.816.844	164.000.680.622	325.600.571.169	419.972.966.337
22	6. Chi phí hoạt động tài chính	25	-	(116.536.249.025)	(237.628.057.075)	(317.637.430.783)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(1.039.283.200)	(3.778.638.738)	(14.665.429.861)	(7.612.957.416)
30	8. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh		19.218.207.112	44.605.048.186	83.610.065.956	100.743.860.811
31	9. Thu nhập khác		-	-	5.882.753	17.803.174
32	10. Chi phí khác		(300.000.000)	(50.000.000)	(522.535.403)	(50.000.000)
40	11. Lợi nhuận khác		(300.000.000)	(50.000.000)	(516.652.650)	(32.196.826)
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.918.207.112	44.555.048.186	83.093.413.306	100.711.663.985
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.2	(2.537.518.783)	(11.252.606.382)	(14.774.163.338)	(21.239.978.965)
52	14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.3	-	1.777.883.489	(287.605.618)	1.075.150.593
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		16.380.688.329	35.080.325.293	68.031.644.350	80.546.835.613
	- LN sau thuế TNDN của Công ty mẹ		16.369.627.410	32.228.781.150	64.095.279.073	74.207.048.576
	- LN sau thuế TNDN của Cổ đông không kiểm soát		11.060.919	2.851.544.143	3.936.365.277	6.339.787.037
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.310	2.578	5.128	5.937

Phạm Uyên Vy

Nguyễn Thị Anh Tú



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập

Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng

Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 10 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

B 03a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		83.093.413.306	100.711.663.985
	<i>Điều chỉnh:</i>			
02	1. Khấu hao tài sản cố định	8, 9	285.388.446	16.089.246
03	2. Các khoản dự phòng		-	(1.792.296.696)
04	3. Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(207.964.132)
05	4. Lãi từ hoạt động đầu tư		(323.643.910.699)	(419.765.002.205)
06	5. Chi trả lãi vay		4.254.529.314	24.444.413.445
08	Lợi nhuận sử dụng vào hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động		(236.010.579.633)	(296.593.096.357)
09	1. (Tăng)/giảm các khoản phải thu		(560.705.490.198)	248.137.619.199
11	2. Tăng các khoản phải trả		2.149.871.380.521	1.736.148.660.569
12	3. Tăng chi phí trả trước		(105.201.226)	(22.606.584)
13	4. Tiền lãi vay đã trả		(243.449.863)	(19.781.583.454)
14	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(12.951.176.489)	(11.778.016.659)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.339.855.483.112	1.656.110.976.714
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.131.669.999)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		863.636.364	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(6.977.460.164.130)	(5.349.537.573.080)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.361.680.135.400	5.859.700.263.540
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(41.213.290.610)	(2.347.121.007.433)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		110.416.048.071	33.307.797.513
27	7. Lãi tiền gửi thu được		195.808.339.110	295.297.588.240
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(1.351.036.965.794)	(1.508.352.931.220)

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

B 03a-CTQ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc Ngày 30 tháng 9 năm 2023 VND
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	6.975.000.000
33	2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	468.037.500.000
34	3. Tiền chi trả nợ gốc vay		(8.000.000.000)	(629.000.000.000)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(141.091.563.414)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(149.091.563.414)	(153.987.500.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(160.273.046.096)	(6.229.454.506)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	163.938.037.595	48.577.339.437
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	3.664.991.499	42.347.884.931



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 10 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

B 05a-CTQ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm)				Số cuối kỳ	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2023 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2024 VND	Kỳ trước		Kỳ này		Ngày 30 tháng 9 năm 2023 VND	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20.1	125.000.000.000	125.000.000.000	-	-	-	-	125.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	20.2	1.755.891.311	1.755.891.311	-	-	-	-	1.755.891.311	1.755.891.311
3. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	20.2	1.755.891.311	1.755.891.311	-	-	-	-	1.755.891.311	1.755.891.311
4. Lợi nhuận chưa phân phối	20.2	181.781.691.011	275.313.370.463	74.207.048.576	-	64.095.279.073	(127.599.714.274)	255.988.739.587	211.808.935.262
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21	21.785.697.029	36.607.629.737	13.314.787.037	-	3.936.365.277	(39.494.805.877)	35.100.484.066	1.049.189.137
TỔNG CỘNG		332.079.170.662	440.432.782.822	87.521.835.613	-	68.031.644.350	(167.094.520.151)	419.601.006.275	341.369.907.021



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 10 năm 2024

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

B 09a-CTQ

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("Công ty"), trước đây là Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán An Phúc, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 66/GPĐC-UBCK cấp ngày 22 tháng 8 năm 2023 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 13 tháng 10 năm 2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ nhất) để đăng ký thay đổi mã số doanh nghiệp thành 0304756863 vào ngày 13 tháng 10 năm 2022.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("TVS") được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 36/UBCK-GPHDKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đã mua 99,20% cổ phần của Công ty và trở thành công ty mẹ vào ngày 13 tháng 2 năm 2015. Tại ngày 19 tháng 11 năm 2020, TVS mua thêm 10.000.000 cổ phiếu phát hành riêng lẻ, tăng tỉ lệ sở hữu tại Công ty lên 99,84%.

Hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.

Công ty có trụ sở chính tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 là 17 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 22 người).

Công ty con

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, Công ty có một (1) công ty con, như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần Camellia Wealth ("Camellia Wealth")	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn quản lý	98,49%

Công ty liên kết

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, Công ty có một (1) công ty liên kết, như sau:

Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu
Công ty cổ phần Finsight ("Finsight")	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Tư vấn đầu tư	48,69%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC Ngày 31 tháng 3 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC Ngày 31 tháng 3 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Nhóm Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất năm và giữa niên độ theo quy định của Thông tư 99/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho kỳ báo cáo ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Nhóm Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư vào những chứng khoán nhằm mục đích kinh doanh ("chứng khoán thương mại").

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán có thời hạn thu hồi không quá một năm hoặc mua vào, bán ra chứng khoán để kiếm lời. Chứng khoán thương mại được ghi nhận theo giá thực tế mua chứng khoán (giá gốc), bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng.

Đầu tư tài chính dài hạn khác

Chứng khoán và đầu tư vào công ty khác được lập dự phòng giảm giá theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp ("Thông tư 48") và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 07 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 24").

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên khoản mục "Chi phí tài chính".

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên từ 20 đến dưới 50% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cân trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 8 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

3.8 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Máy móc thiết bị	3 năm
Phần mềm	5 năm

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu chuyển đổi, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Lợi ích của nhân viên

3.11.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Nhóm Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Nhóm Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

3.11.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021. Nhóm Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

3.11.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp. Nhóm Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Phí quản lý

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán quý mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

3.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Nhóm Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu từ hoạt động quản lý quỹ và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Nhóm Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty bao gồm các khoản chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

B 09a-CTQ

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, Nhóm Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.16 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Tiền mặt	18.177.291	22.586.802
Tiền gửi không kì hạn	1.646.814.208	63.915.450.793
Tiền gửi có kì hạn không quá ba (3) tháng	2.000.000.000	100.000.000.000
	3.664.991.499	163.938.037.595

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Chứng chỉ quỹ niêm yết	-	33.325.000.000
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 3	-	13.125.000.000
Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 5	-	20.200.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	283.640.625.365	430.058.472.164
Công ty Cổ Phần Finhay Việt Nam	134.359.409.660	134.359.409.660
Công ty cổ phần Galaxy Education	100.747.211.604	250.791.122.337
Công ty cổ phần Giải trí và giáo dục Galaxy	33.259.031.934	29.632.968.000
Công ty Cổ phần Công nghệ NAMI	15.274.972.167	15.274.972.167
Trái phiếu niêm yết	-	320.058.859.452
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	-	199.901.369.041
Trái phiếu niêm yết khác	-	120.157.490.411
Trái phiếu không niêm yết	-	768.273.954.672
Chứng chỉ tiền gửi	-	1.765.864.864.784
Hợp đồng tiền gửi	-	1.771.820.234.246
Các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	14.000.000.000
	283.640.625.365	5.103.401.385.318

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

B 09a-CTQ

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

6.1 Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phải thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	19.832.280.474	13.707.806.101

6.2 Các khoản phải thu khác

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Lãi dự thu tiền gửi và trái phiếu	1.520.180.822	220.583.867.355
Phải thu từ đối tác trung tâm thanh toán	-	114.187.711.101
Phải thu khác	951.752.321	2.508.063.114
	2.471.933.143	337.279.641.570

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phí bảo hiểm	13.114.233	10.364.999
Phí thuê bao dữ liệu phần mềm	47.775.001	27.516.000
Khác	3.426.252	98.567.631
	64.315.486	136.448.630

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Máy móc thiết bị VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	1.201.950.000	64.357.000	1.266.307.000
Mua trong kỳ	-	818.669.999	818.669.999
Thanh lý	(1.201.950.000)	(749.870.000)	(1.951.820.000)
Số cuối kỳ	-	133.156.999	133.156.999
Khấu hao lũy kế			
Số đầu kỳ	45.234.677	43.260.416	88.495.093
Khấu hao trong kỳ	70.544.556	64.993.891	135.538.447
Thanh lý	(115.779.233)	(41.659.446)	(157.438.679)
Số cuối kỳ	-	66.594.861	66.594.861
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	1.156.715.323	21.096.584	1.177.811.907
Số cuối kỳ	-	66.562.138	66.562.138

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

B 09a-CTQ

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm VND</i>
Nguyên giá	
Số đầu kỳ	739.000.000
Mua trong kỳ	313.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang sang	217.000.000
Thanh lý	(310.000.000)
Số cuối kỳ	959.000.000
Hao mòn lũy kế	
Số đầu kỳ	12.316.667
Khấu hao trong kỳ	149.849.999
Thanh lý	(25.833.333)
Số cuối kỳ	136.333.333
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	726.683.333
Số cuối kỳ	822.666.667

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	<i>Công ty Cổ phần Finsight</i>
Giá trị đầu tư	
Số đầu kỳ	-
Tăng giá trị đầu tư	87.816.400.000
Số cuối kỳ	87.816.400.000
Phần lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết	
Số đầu kỳ	-
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết	7.710.791.136
Số cuối kỳ	7.710.791.136
Giá trị còn lại	
Số đầu kỳ	-
Số cuối kỳ	95.527.191.136

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

B 09a-CTQ

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Cổ phiếu ưu đãi cổ tức hoàn lại (i)	208.759.700.000	-
Đầu tư trái phiếu	-	1.216.484.790.000
Đầu tư trái phiếu TCTD	-	1.016.484.790.000
Đầu tư trái phiếu doanh nghiệp	-	200.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	-	277.733.287.700
Tiền gửi có kỳ hạn	-	215.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác (ii)	56.474.176.000	200.000.000.000
	265.233.876.000	1.909.218.077.700

(i) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, bao gồm cổ phiếu ưu đãi cổ tức hoàn lại được phát hành bởi Finsight, có kỳ hạn còn lại 5 năm. Cổ tức được trả bao gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định được tính như sau: cổ tức cố định cho 6 tháng cuối năm đầu tiên là 7,50%, cổ tức cố định cho các năm tiếp theo là 15,00%/năm. Cổ tức thưởng được chi trả theo quy định của giấy chứng nhận cổ phần.

(ii) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, các khoản đầu tư dài hạn khác của công ty con có kỳ hạn còn lại từ 17 đến 18 tháng, lãi suất từ 5,50 đến 15,00 %/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: các khoản đầu tư dài hạn khác của công ty con, trong đó vốn đầu tư của công ty con là 100 tỷ Đồng và vốn góp nhận hợp tác kinh doanh từ đối tác là 100 tỷ Đồng, có kỳ hạn còn lại từ 24 - 25 tháng và hưởng lợi tức 15,00%/năm).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Công cụ, dụng cụ	158.450.725	261.906.139
Chứng thư số công cộng	49.269.727	50.828.668
Cước dịch vụ internet	12.850.229	-
Phần mềm dùng cho server	4.926.243	72.871.754
Đồng phục nhân viên	-	3.300.000
Khác	29.711.059	11.584.968
	255.207.983	400.491.529

13. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Đặt cọc taxi	30.000.000	15.000.000
Đặt cọc phí lưu ký	504.603	33.308.397
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	-	120.000.000
Khác	1.000.000	1.000.000
	31.504.603	169.308.397

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

B 09a-CTQ

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
<i>Vay ngắn hạn</i>		
Vay cá nhân	-	8.000.000.000
<i>Vay dài hạn</i>		
Vay cá nhân	-	83.470.000.000

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Phải trả mua cổ phần, trái phiếu	323.103.908.236	47.550.431.654
Phí quản lý phải trả	-	27.850.897.770
	323.103.908.236	75.401.329.424

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

B 09a-CTQ

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2024 VND</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ VND</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ VND</i>	<i>Thanh lý công ty con VND</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND</i>
Phải thu					
Thuế GTGT đầu vào	69.488.009	476.612.976	(360.190.802)	(50.341.559)	135.568.624
Phải trả					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.393.176.491	14.774.163.338	(12.951.176.489)	(7.386.964.998)	2.829.198.342
Thuế thu nhập cá nhân	5.696.866.451	12.761.627.975	(17.158.805.493)	(1.178.785.141)	120.903.792
Thuế GTGT đầu ra	-	86.363.636	(86.363.636)	-	-
Thuế môn bài	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
	14.090.042.942	27.631.154.949	(30.205.345.618)	(8.565.750.139)	2.950.102.134

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Chi phí lãi vay	-	4.887.991.636
Phí dịch vụ	-	1.522.915.184
Khác	-	317.200.000
	-	6.728.106.820

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Phải trả cổ tức	5.625.000.000	-
Phải trả đối tác theo BCC chia lợi nhuận cố định	-	6.669.946.202.116
Phải trả đối tác theo BCC chia lợi nhuận theo kết quả kinh doanh	-	160.687.878.661
Phải trả khác	-	27.613.000
	5.625.000.000	6.830.661.693.777
Phải trả dài hạn khác		
Phải trả đối tác theo BCC chia lợi nhuận theo kết quả kinh doanh	-	100.000.000.000
	5.625.000.000	6.930.661.693.777

19. QUỸ KHEN THƯỜNG PHÚC LỢI

	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 VND
Số đầu kỳ	5.671.167.193	5.671.167.193
Trích lập trong kỳ	8.830.009.569	-
Hoàn nhập trong kỳ	(13.872.782.458)	-
Số cuối kỳ	628.394.304	5.671.167.193

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

20. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

20.1 *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
	Vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu %	Vốn góp VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt	124.800.000.000	99,84	124.800.000.000	99,84
Nguyễn Thanh Thảo	100.000.000	0,08	100.000.000	0,08
Lê Quang Tiến	100.000.000	0,08	100.000.000	0,08
	125.000.000.000	100,00	125.000.000.000	100,00

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty là 10.000 VND.

20.2 *Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ*

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Ngày 01 tháng 01 năm 2024	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	275.313.370.463	36.607.629.737	440.432.782.822
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	64.095.279.073	3.936.365.277	68.031.644.350
Điều chỉnh NCI do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	(17.487.163)	(5.932.512.837)	(5.950.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(8.830.009.569)	-	(8.830.009.569)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	13.872.782.458	-	13.872.782.458
Bán công ty con	-	-	-	-	(15.560.000.000)	(15.560.000.000)
Chia cổ tức bằng tiền (***)	-	-	-	(132.625.000.000)	(18.002.293.040)	(150.627.293.040)
Ngày 30 tháng 9 năm 2024	125.000.000.000	1.755.891.311	1.755.891.311	211.808.935.262	1.049.189.137	341.369.907.021



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

20. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ (tiếp theo)

- (*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 2703/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024, Công ty đã thông qua việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi là 8.830.009.569 đồng, tương đương 7% lợi nhuận sau thuế.
- (**) Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 số 3005/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, Công ty thông qua việc hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi là 13.872.782.458 đồng của năm 2021 (5.042.772.889 đồng) và 2023 (8.830.009.569 đồng).
- (***) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 2703/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường 2024 ngày 28 tháng 6 năm 2024, Công ty đã thông qua việc trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông lần lược là 117.000.000.000 đồng và 15.625.000.000 đồng.

21. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 VND</i>
Số đầu kỳ	36.607.629.737	21.785.697.029
Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát	3.936.365.277	6.339.787.037
Góp vốn	-	6.975.000.000
Điều chỉnh thay đổi tỷ lệ sở hữu	(5.932.512.837)	-
Bán công ty con	(15.560.000.000)	-
Chia cổ tức	(18.002.293.040)	-
Số cuối kỳ	1.049.189.137	35.100.484.066

22. DOANH THU THUẦN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 VND</i>
Phí quản lý danh mục đầu tư	13.413.960.738	2.527.037.384
Phí quản lý quỹ	1.504.408.089	1.212.233.058
	14.918.368.827	3.739.270.442

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

B 09a-CTQ

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 VND</i>
Chi phí nhân viên	2.479.400.841	2.357.120.037
Chi phí đồ dùng văn phòng	736.105.430	39.290.835
Chi phí thuê văn phòng	127.388.126	118.255.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	87.256.950	23.613.916
Chi phí khấu hao	39.570.498	2.796.666
Thuế phí và lệ phí	-	10.000.000
Chi phí bằng tiền khác	313.973.514	268.938.407
	3.783.695.359	2.820.015.115

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 VND</i>
Lãi từ công ty liên kết	6.230.613.193	-
Cổ tức	1.549.315.068	-
Thu nhập lãi	1.180.388.583	145.704.186.187
Lãi từ bán các khoản đầu tư tài chính	162.500.000	7.576.848.230
Lãi kinh doanh hợp đồng phái sinh	-	10.719.646.205
	9.122.816.844	164.000.680.622

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 VND</i>
Chi phí hoạt động hợp tác đầu tư	-	108.098.739.561
Chi phí lãi vay	-	8.283.664.180
Các chi phí tài chính khác	-	153.845.284
	-	116.536.249.025

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

B 09a-CTQ

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 VND</i>
Chi phí nhân viên quản lý	560.586.477	1.910.492.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	224.868.804	857.121.780
Thuế, phí và lệ phí	51.240.250	25.638.752
Chi phí khấu hao	12.999.878	2.566.416
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.328.512	90.976.162
Chi phí khác	183.259.279	891.843.403
	1.039.283.200	3.778.638.738

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty tạm tính nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất là 20% lợi nhuận tính thuế trong kỳ theo Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán quý.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

B 09a-CTQ

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

27.2 Chi phí Thuế TNDN hiện hành

	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	83.093.413.306	100.711.663.985
Thuế TNDN tạm tính 20%	16.618.682.661	20.142.332.797
Ảnh hưởng của việc hợp nhất báo cáo tài chính	(1.560.967.832)	10.495.574
Các khoản điều chỉnh tăng	1.263.254.128	1.141.734.843
- Điều tăng chi phí không được trừ	4.054.128	12.000.000
- Điều chỉnh tăng doanh thu lãi chứng khoán kinh doanh	-	1.129.734.843
- Khác	1.259.200.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.546.805.619)	(484.264.344)
- Điều chỉnh giảm doanh thu lãi chứng khoán kinh doanh	(1.546.805.619)	-
- Khác	-	(484.264.344)
Điều chỉnh số thuế TNDN nộp thiếu của năm trước	-	429.680.095
Chi phí thuế TNDN ước tính	14.774.163.338	21.239.978.965

27.3 Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Thay đổi tài sản thuế TNDN hoãn lại và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Ảnh hưởng đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 01 tháng 01 năm 2024 VND	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Doanh thu lãi chứng khoán kinh doanh		- 1.546.805.619		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			(287.605.618)	1.075.150.593

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

B 09a-CTQ

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Công ty chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Thông tin sau được sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty:

	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023 VND</i>
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Nhóm Công ty (<i>đồng</i>)	64.095.279.073	74.207.048.576
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
	<u>64.095.279.073</u>	<u>74.207.048.576</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (<i>cổ phiếu</i>)	<u>12.500.000</u>	<u>12.500.000</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (<i>đồng/cổ phiếu</i>)	<u>5.128</u>	<u>5.937</u>

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

B 09a-CTQ

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024</i> VND	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023</i> VND
Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt			
	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	5.523.717.745	4.729.181.181
	Phí giao dịch, lưu ký	50.231.250	24.058.251
	Phí môi giới	34.694.494	86.303.400
	Giao dịch chứng khoán và chứng chỉ quỹ	285.089.105.154	299.310.561.932
	Giao dịch trái phiếu và công cụ nợ khác	-	1.073.211.794.400
	Chia cổ tức	149.767.195.603	-
Công ty cổ phần Finsight			
	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	10.421.504.299	-
	Doanh thu lãi cổ phiếu ưu đãi cổ tức	1.549.315.068	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3			
	Thu phí quản lý Quỹ	1.747.895.982	1.574.264.278
	Thu lợi tức	1.250.000.000	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4			
	Thu phí quản lý Quỹ	1.724.744.392	1.621.537.621
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 5			
	Thu phí quản lý Quỹ	1.406.146.426	-
Ban lãnh đạo TVS			
	Vay	-	76.902.500.000
	Trả vay	-	124.000.000.000
	Chi phí lãi vay	2.773.636.266	13.946.424.334
Ban lãnh đạo TVAM, Finsight			
	Mua tài sản tài chính ngắn hạn	96.924.176.000	364.900.000.000
	Bán tài sản tài chính ngắn hạn	27.000.000.000	280.500.000.000
	Doanh thu lãi	1.773.236.098	5.815.273.975
	Vay	-	96.700.000.000
	Trả vay	-	96.700.000.000
	Chi phí lãi vay	262.465.752	234.202.740
	Trả cổ tức	647.897.436	-
Bên liên quan của thành viên HĐQT TVS			
	Mua tài sản tài chính ngắn hạn	-	130.000.000.000
	Thu nhập lãi	12.456.267.957	34.587.095.889
Lương của Ban Giám đốc			
	Lương, phụ cấp và thù lao	1.590.900.000	1.002.900.000

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

B 09a-CTQ

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt			
	Phải thu bán tài sản tài chính	5.164.930.610	-
	Phải trả cổ tức	5.600.000.000	-
	Phải trả mua tài sản tài chính	151.799.533.934	47.550.431.654
Công ty cổ phần Finsight			
	Phải thu phí quản lý danh mục	13.334.496.856	-
	Phải trả mua tài sản tài chính	171.304.374.302	-
	Mua cổ phần ưu đãi hoàn lại	208.759.700.000	-
	Phải thu dự thu cổ tức	1.549.315.068	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3			
	Đầu tư ngắn hạn	-	13.125.000.000
	Thu phí quản lý và phí thưởng quản lý Quỹ	-	475.470.100
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4			
	Thu phí quản lý và phí thưởng quản lý Quỹ	-	3.434.331.680
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 5			
	Đầu tư ngắn hạn	-	20.200.000.000
Ban lãnh đạo TVS			
	Vay ngắn hạn	-	83.470.000.000
	Phải trả ngắn hạn khác	12.500.000	156.867.378.660
	Phải trả dài hạn khác	-	100.000.000.000
Ban lãnh đạo TVAM, Finsight			
	Mua tài sản tài chính dài hạn	35.324.176.000	-
	Các khoản phải thu dài hạn	1.040.249.795	-
Bên liên quan của thành viên HĐQT TVS			
	Đầu tư ngắn hạn	-	280.424.090.337
	Đầu tư dài hạn	-	400.000.000.000
	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	38.501.882.096

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

B 09a-CTQ

30. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Số dư đầu kỳ	69.243.503.425	161.155.734.592
Tăng trong kỳ	10.380.577.372.217	5.109.483.856.090
Giảm trong kỳ	(10.182.958.980.396)	(5.201.396.087.257)
Điều chỉnh do thoái vốn công ty con	66.209.223.637	-
Số cuối kỳ	333.071.118.883	69.243.503.425

31. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch	988.241.556.856	610.609.959.065
<i>Trong đó, các cổ phiếu bị suy giảm giá trị:</i>	<i>269.513.751.969</i>	<i>261.778.119.825</i>
HSG	66.690.834.500	-
KBC	44.964.756.700	-
VHC	41.215.758.800	2.304.000.000
PVD	37.846.369.000	-
VNM	23.220.191.704	74.128.259.925
VPB	-	37.091.735.200
PDR	-	7.559.578.400
Cổ phiếu khác	55.575.841.265	140.694.546.300
<i>Cổ phiếu không bị suy giảm giá trị</i>	<i>718.727.804.887</i>	<i>348.831.839.240</i>
Cổ phiếu chưa niêm yết	38.175.715.138	50.476.459.122
Chứng chỉ quỹ niêm yết	135.225.505.834	157.311.905.942
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	61.259.621.904	108.285.560.054
Trái phiếu niêm yết	815.956.356.211	55.020.509.500
Trái phiếu chưa niêm yết	279.991.518.010	209.576.100.000
Trái phiếu riêng lẻ	890.996.031.340	172.531.857.142
Chứng chỉ tiền gửi	3.703.202.395.329	475.454.822.606
Hợp đồng tiền gửi	2.927.913.698.630	506.000.000.000
	9.840.962.399.252	2.345.267.173.431

32. CÁC KHOẢN PHẢI THU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Phải thu lãi tiền gửi	292.798.539.856	71.304.458.766
Phải thu bán chứng khoán	14.926.554.945	12.569.630.404
Phải thu cổ tức	2.174.690.000	2.421.650.000
Phải thu khác, tài sản khác	415.384.714	1.495.439.987
	310.315.169.515	87.791.179.157

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

B 09a-CTQ

33. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Phải trả phí quản lý danh mục	19.832.300.351	9.798.004.321
Phải trả tiền mua chứng khoán	981.755.000	5.821.500.000
Phải trả phí khác	255.873.329	74.626.616
	21.069.928.680	15.694.130.937

34. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2024, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Dưới 1 năm	52.557.890	2.867.530.900
Từ 1 năm đến 5 năm	-	1.080.000.000
	52.557.890	3.947.530.900

35. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nhóm Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhóm Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

35.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Đây là các khoản đầu tư ngắn hạn và không được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ sự tăng lên trong giá trị.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 vì các khoản tiền gửi của Công ty có lãi suất cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

35. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

35.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Nhóm Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Nhóm Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

35.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

35.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Nhóm Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Nhóm Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Điều hành cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Nhóm Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

B 09a-CTQ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

35. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

35.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty:

	<i>Bất kỳ thời điểm nào VND</i>	<i>Dưới 3 tháng VND</i>	<i>Từ 3 tháng đến dưới 1 năm VND</i>	<i>Từ 1 năm đến 5 năm VND</i>	<i>Trên 5 năm VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Ngày 30 tháng 9 năm 2024						
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.646.814.208	2.000.000.000	-	-	-	3.646.814.208
Đầu tư ngắn hạn	283.640.625.365	-	-	-	-	283.640.625.365
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	-	19.832.280.474	-	-	-	19.832.280.474
Phải thu khác	-	5.164.930.610	2.471.933.143	2.005.037.467	-	9.641.901.220
Đầu tư dài hạn	-	-	-	265.233.876.000	-	265.233.876.000
Tài sản dài hạn khác	-	-	-	31.504.603	95.527.191.136	95.558.695.739
	285.287.439.573	26.997.211.084	2.471.933.143	267.270.418.070	95.527.191.136	677.554.193.006
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả người bán	-	323.103.908.236	-	-	-	323.103.908.236
Nợ phải trả tài chính khác	-	-	5.625.000.000	-	-	5.625.000.000
	-	323.103.908.236	5.625.000.000	-	-	328.728.908.236

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024

B 09a-CTQ

36. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty:

	<i>Giá trị ghi sổ</i>		<i>Giá trị hợp lý</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 30 tháng 9 năm 2024 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.646.814.208	163.915.450.793	3.646.814.208	163.915.450.793
Đầu tư ngắn hạn	283.640.625.365	5.103.401.385.318	283.640.625.365	5.112.311.055.181
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	19.832.280.474	13.707.806.101	19.832.280.474	13.707.806.101
Phải thu khác	7.636.863.753	381.474.307.991	7.636.863.753	381.474.307.991
Đầu tư dài hạn	360.761.067.136	1.909.218.077.700	360.761.067.136	1.909.218.077.700
Tài sản tài chính dài hạn khác	31.504.603	169.308.397	31.504.603	169.308.397
	675.549.155.539	7.571.886.336.300	675.549.155.539	7.580.796.006.163
Nợ phải trả tài chính				
Vay ngắn hạn	-	8.000.000.000	-	8.000.000.000
Vay và nợ dài hạn	-	83.470.000.000	-	83.470.000.000
Phải trả người bán	323.103.908.236	75.401.329.424	323.103.908.236	75.401.329.424
Chi phí phải trả	-	6.728.106.820	-	6.728.106.820
Nợ phải trả tài chính khác	5.625.000.000	6.930.661.693.777	5.625.000.000	6.930.661.693.777
	328.728.908.236	7.104.261.130.021	328.728.908.236	7.104.261.130.021

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu từ hoạt động nghiệp vụ, phải thu khác, chi phí phải trả tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do chủ yếu những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 9 năm 2024 và cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTQ

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN.

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán quý yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.



Bà Phạm Uyên Vy
Người lập



Bà Nguyễn Thị Anh Tú
Kế toán trưởng



Ông Trần Vinh Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 18 tháng 10 năm 2024

